

Bản án số: 39/2017/HNGĐ-ST

Ngày: 25/7/2017

“V/v Ly hôn giữa chị T và anh D”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CẦU NGANG TỈNH TRÀ VINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Ngọc Tranh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Thạch Thị Yến Linh

2. Ông Lê Văn Được

- Thư ký phiên tòa: ông Chung Hữu Toàn - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cầu Ngang, tỉnh Trà Vinh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Cầu Ngang, tỉnh Trà Vinh tham gia phiên tòa: ông Diệp Tấn Sỹ - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 7 năm 2017 tại Tòa án nhân dân huyện Cầu Ngang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 233/2017/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 6 năm 2017 về việc Ly hôn và nuôi con, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 57/2017/QĐXX-ST ngày 07/7/2017 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* chị Ngô Thị T, sinh năm 1986, có mặt.

Địa chỉ : ấp T, xã H, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

2. *Bị đơn:* anh Trịnh Quốc D, sinh năm 1984, có mặt.

Địa chỉ: ấp B, xã H, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 31/5/2017 và lời khai tại Tòa án, nguyên đơn chị Ngô Thị T trình bày:

Về hôn nhân: Vào năm 2005 chị Ngô Thị T và anh Trịnh Quốc D có quen biết nhau và tự nguyện tiến đến hôn nhân, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện C, tỉnh Trà Vinh. Sau khi kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Thời gian mâu thuẫn kéo dài trong 04 năm trở lại đây, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống nên cãi vã nhau, anh D không quan tâm đến vợ con, làm ăn lo gia đình mà mà thường xuyên đi chơi cờ bạc, vì con nên chị cố gắng và chị có khuyên nhiều lần nhưng anh D không nghe, ngược lại còn dùng lời lẽ xúc phạm chị. Nhận thấy cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc nên chị T yêu cầu ly hôn với anh D.

Về con chung: Trịnh Thị Kiều D1 sinh ngày 29/5/2007 hiện tại chị T đang nuôi dưỡng, chị T yêu cầu được tiếp tục nuôi, không yêu cầu anh D cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: không có.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án tiến hành tổng đạt thông báo thụ lý cho anh D biết yêu cầu khởi kiện của chị T, thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải hai lần nhưng anh D không đến và cũng không gửi văn bản gì cho Tòa án nên Tòa án quyết định đưa vụ án ra xét xử vào ngày 25/7/2017.

Tại phiên tòa hôm nay chị Ngô Thị T vẫn giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn anh D vì chị cho rằng sống chung không còn hạnh phúc, anh D vẫn tánh nào tật ấy, không sửa chữa để cùng nhau tạo lập phát triển kinh tế gia đình, nuôi dạy con chung, về con chị yêu cầu nuôi, không yêu cầu cấp dưỡng, tài sản chung chị không yêu cầu Tòa án giải quyết, nợ chung không có không yêu cầu.

Cháu Trịnh Thị Kiều D1 sinh ngày 29/5/2007 có nguyện vọng được sống chung với mẹ là chị T.

Anh Trịnh Quốc D trình bày: về hôn nhân theo lời trình bày của chị T là đúng vợ chồng có đăng ký kết hôn năm 2005. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh có tham gia tệ nạn cờ bạc và bị xử phạt hành chính, vợ chồng có cự cãi nhau nhưng hiện nay anh đã sửa chữa, anh còn thương vợ con nên anh xin đoàn tụ.

Về nuôi con chung: vợ chồng có 01 con chung là cháu D1 như chị T trình bày, anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: thống nhất theo lời trình bày của chị T, anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cầu Ngang, tỉnh Trà Vinh tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về hôn nhân: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận cho nguyên đơn chị Ngô Thị T ly hôn anh Trịnh Quốc D. Về con chung cháu Trịnh Thị Kiều D1 sinh ngày 29/5/2007 có nguyện vọng được sống chung với chị T nên giao con chị T tiếp tục nuôi dưỡng, chị T không yêu cầu cấp dưỡng, tài sản chung, nợ chung không yêu cầu không xét. Chị T phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Tòa án nhân dân huyện Cầu Ngang nhận định:

Về hôn nhân: Xét thấy giữa chị T và anh D chung sống với nhau có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện C, tỉnh Trà Vinh là đúng quy định pháp luật. Căn cứ vào Điều 8, Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình xác định hôn nhân của chị T và anh D là hợp pháp.

Xét thấy, sau khi kết hôn chị T và anh D luôn bất đồng quan điểm hay cãi vã nhau do anh D không lo làm ăn phát triển kinh tế gia đình mà anh D thường hay cờ

bạc và còn xúc phạm chị T, từ đó mâu thuẫn ngày càng lớn, nhiều lần chị T tha thứ để anh D sửa chữa, nhưng anh D không sửa chữa, tại Tòa chị T cương quyết ly hôn, anh D xin đoàn tụ nhưng anh D chưa tạo điều kiện để vợ chồng đoàn tụ, cũng như đã sửa chữa lỗi lầm, quan tâm chăm sóc vợ con, sống có trách nhiệm, là một người chồng, người cha tốt vì vậy không thể đoàn tụ sống hạnh phúc được. Nhận thấy mâu thuẫn vợ chồng là trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được chị T yêu cầu ly hôn anh D là có căn cứ, phù hợp quy định tại Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình nên chấp nhận.

Về con chung: Trịnh Thị Kiều D1 sinh ngày 29/5/2007 hiện tại chị T đang nuôi dưỡng và cháu D1 có nguyện vọng được sống chung với chị T là phù hợp theo qui định tại Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình nên Hội đồng xét xử chấp nhận theo yêu cầu của cháu D1 và chị T.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị T cho rằng hiện tại chị có nghề uốn tóc nên chị có đủ khả năng nuôi con, không yêu cầu anh D cấp dưỡng nuôi con nên không xét.

Về tài sản chung, nợ chung : chị T và anh D không có tranh chấp và chưa đặt ra yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

Về án phí: chị T phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm theo qui định .

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; Điều 39; Điều 147; Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 51; 56; 57; 58; 81; 82; 83 Luật hôn nhân và gia đình.

Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1.*Về hôn nhân:* Chị Ngô Thị T được ly hôn anh Trịnh Quốc D.

2.*Về con chung:* Chị Ngô Thị T được tiếp tục nuôi dưỡng cháu Trịnh Thị Kiều D1 sinh ngày 29/5/2007.

Anh Trịnh Quốc D có quyền, nghĩa vụ thăm nom chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con, không ai được cản trở. Vì lợi ích của con, khi cần thiết và có yêu cầu của các bên, Tòa án có thể thay đổi người nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con.

- Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Ngô Thị T không yêu cầu nên không xét.

3. *Về tài sản chung, nợ chung:* chị Ngô Thị T và anh Trịnh Quốc D không có tranh chấp và chưa đặt ra yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

4. *Về án phí:* Chị Ngô Thị T tự nguyện chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai số 0010666 ngày 31 tháng 5 năm 2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cầu Ngang. Chị T đã nộp đủ án phí.

Án xử công khai, nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án để xin tòa án cấp trên xét xử theo trình tự phúc thẩm.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân tỉnh Trà Vinh;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện;
- Chi cục thi hành án huyện;
- Các đương sự;
- UBND xã H, huyện C, tỉnh Trà Vinh;
- Lưu hồ sơ vụ án./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Ngọc Tranh